TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày: 03/4/2023
"V/v:Tranh chấp tài sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam

Các thẩm phán: 1- Ông Nguyễn Văn Tính

2- Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Thân Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: ***58/2022/TLPT-DS ngày 30/10/2022*** về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DSST ngày 27/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53A, ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1962 (Có mặt)

Bị đơn: Cụ Tạ Thị L, sinh năm 1932 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Ông Tạ Đức L, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2.Ông Tạ Đức T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3. Ông Tạ Quang T, sinh năm 1965 (Có mặt)

4. Ông Tạ Quang L, sinh năm 1978 (Có mặt)

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm T, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

6. Ông Tạ Quang L, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: 4/5/50 đường Nguyễn Thị L, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Quang L và ông Tạ Đức T: ông Tạ Quang T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm T, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Những người có kháng cáo: Cụ Tạ Đức L, ông Tạ Quang L, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức T và ông Tạ Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Cụ Tạ Đức L và cụ Nguyễn Thị C(1935 - 2017) lấy nhau và sinh được 6 người con gồm: Ông Tạ Quang L, bà Tạ Thị Th, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức L, ông Tạ Đức T và ông Tạ Quang L. Các cụ không có con nuôi, con riêng và cụ C không làm con nuôi của ai khác.

Năm 1998, hộ gia đình cụ L và cụ C được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) với diện tích đất 265m^2 (nay là xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Lúc đó một số người con đã có gia đình đã tách khẩu ra ở riêng trên thửa đất khác. Nguồn gốc thửa đất này do các cụ để lại cho bố mẹ thừa hưởng, các con không có công sức gì với thửa đất. Năm 2010, hai cụ đã tặng cho ông Tạ Quang L 95m^2 trong diện tích đất nói trên. Ông L đã được cấp GCN với diện tích đất này. Số diện tích còn lại 169,6m^2 cũng được cấp GCN đứng tên hộ cụ L và cụ C. Ông L và các em đã có gia đình và ở riêng hết riêng bà Th không xây dựng gia đình và nuôi con nuôi là Tạ Minh Đức. Bà Th và anh Đ vẫn chung sống cùng cụ L, cụ C. Sau khi cụ C chết thì chung sống cùng cụ L. Năm 2012, được sự nhất trí của cả gia đình, bà Th làm nhà trên diện tích khoảng 50m^2 trong số diện tích 169,6m^2 do bố mẹ đang quản lý. Năm 2013, khi đó cụ C còn sống. Gia đình có cuộc họp lập biên bản thỏa thuận trong gia đình và tách cho bà Th diện tích 50m^2. Chính là diện tích bà Th đã xây nhà. Sau khi cụ C chết, bà Th tiến hành làm thủ tục để được cấp GCN thì trong gia đình một số anh em đã không đồng ý.

Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ C để lại và đề nghị được chia bằng hiện vật. Bà Th tự nguyện chịu chi phí tố tụng mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn cụ Tạ Đức L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các nội dung: Quan hệ gia đình, thời điểm mất của cụ C và việc cụ C chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất 265m^2 là đất của các cụ để lại cho cụ L. Tất cả các người con đều không có công sức gì với thửa đất và tài sản trên đất. Khi cụ C (vợ cụ L) còn sống đã làm thủ tục tách thửa đất cho con trai là Ông L với diện tích hơn 90m^2. Số diện tích còn lại vẫn do cụ L và cụ C sử dụng. Năm 2012, vợ chồng cụ cho bà Th (con gái, không lập gia đình) diện tích đất 50m^2 để xây nhà trên đó. Với yêu cầu khởi kiện của bà Th về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ C, cụ L nhất trí cho bà Th sử dụng khoảng 50m^2 đất (toàn bộ phần đất đã có nhà ở của bà Th). Phần này bao gồm: Phần thừa kế cụ L hưởng từ cụ C, phần bà Th được hưởng từ cụ C và diện tích cụ L nhất trí cho thêm bà Th để đủ diện tích đất mà bà Th đã xây nhà. Diện tích còn lại cụ L tiếp tục quản lý mà không đồng ý phân chia cho ai. Sau này chết sẽ sử dụng làm nơi để các con làm nơi cúng giỗ chung.

Phần trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Tạ Đức L: Thống nhất với lời trình bày của cụ L, ông Thuyết về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất. Ông Luyện xác định thửa đất có nguồn gốc của các cụ để lại cho cụ L. Các con có gia đình và ở riêng hết, chỉ có bà Th ở cùng với cụ L, cụ C. Thời điểm bà Th xây nhà, anh chị em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì, còn giúp bà Th xây nhà ở. Với yêu cầu khởi kiện của bà Th: Ông Luyện nhất trí nhường kỷ phần thừa kế của ông Luyện được hưởng từ cụ C cho bà Th sử dụng và không có yêu cầu gì. Ông Luyện đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ông Tạ Quang L trình bày: Ông L là con trai lớn nhất của cụ L và cụ C. Ông L và con trai là cháu Dương cùng có hộ khẩu thường trú trong hộ gia đình cụ L tại xóm Tự, Dương Sơn, Tam Sơn. Nhưng hai bố con không sinh sống ở đó mà sinh sống tại phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc thửa đất cụ L đang quản lý là của các cụ để lại cho cụ L. Các con không có đóng góp công sức gì vào việc tu tạo hoặc làm tăng giá trị của thửa đất. Từ khi cụ C mất, cụ L vẫn quản lý toàn bộ thửa đất. Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th và không có yêu cầu gì.

Ông Tạ Quang T không có yêu cầu với cụ L, bà Th và từ chối tham gia tố tụng.

Các ông Tạ Đức T, ông Tạ Quang L trình bày: Đồng ý với lời trình bày của bà Th về thời điểm cụ C chết, người thừa kế và di sản thừa kế. Nguồn gốc thửa đất hiện cụ L đang quản lý là của các cụ từ đời trước để lại và được cấp GCN cho hộ cụ L (gồm cụ L và cụ C). Các con của cụ L, cụ C đều không có công sức gì trong việc tu tạo, làm tăng giá trị của thửa đất. Ông Tập, Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th vì: Bà Th không lập gia đình chỉ có một con nuôi là cháu Tạ Minh Đức. Trước đây, bà Th cũng đã được chia đất tiêu chuẩn, nhưng đã bán cho người khác. Vì bà Th vẫn sống cùng cụ L, cụ C nên các cụ đồng ý để bà Th sử dụng tiền bán đất để làm nhà để ở cạnh hai cụ. Việc bà Th làm nhà, anh em trong gia đình đều biết, không ai có ý kiến phản đối gì, còn bỏ công sức làm giúp. Sau khi cụ C mất đi, nhiều lần bà Th muốn tách GCN để đứng tên, nhưng anh em trong gia đình không đồng ý vì bà Th không có chồng, chỉ có con nuôi. Đến nay, anh em trong gia đình vẫn không đồng ý việc bà Th khởi kiện với cụ L và mong muốn bà Th rút đơn để trong gia đình tự giải quyết. Ông Tập, Ông L không yêu cầu gì với cụ L. Bà Th vẫn được sử dụng diện tích đã làm nhà để ở cho đến khi mất, không ai đuổi bà Th ra khỏi nhà đất đang ở.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ các Điều 227; 229; 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611; 612; 613; Khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điểm a khoản 1 Điều 651; Khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 33; 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 188 Luật Đất đai 2013; Điểm a khoản 1 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ – UBND ngày 26/8/2021 (có hiệu lực ngày 10/9/2021) Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Th;

- Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L, ông Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc: Cụ L, ông Luyện nhường kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Nguyễn Thị Ccho bà Tạ Thị Th được sử dụng;

- Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc cụ L tặng cho bà Th diện tích đất 8,6m^2 (cho bà Th đủ diện tích mà bà Th đã xây nhà ở ổn định từ năm 2012).

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Cgồm: Cụ Tạ Đức L, ông Tạ Quang L, bà Tạ Thị Th, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức L, ông Tạ Đức T và ông Tạ Quang L.

2. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Tạ Đức L và cụ Nguyễn Thị Clà quyền sử dụng đất của thửa đất số 54, tờ bản đồ số 78, diện tích 169,6m^2; Tại xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 002813 ngày 29/01/2015 cho hộ cụ Tạ Đức L, cụ Nguyễn Thị Cánh.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Clà quyền sử dụng đất có diện tích 84,8m^2, có giá trị là 737.760.000đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc cụ L tặng cho bà Th diện tích 8,6m^2.

4. Chia cho bà Tạ Thị Th được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 51m^2; Có tứ cận: Phía Bắc giáp ngõ đi, dài 6,67m; Phía Nam giáp phần đất của hộ cụ Tạ Đức Lệ, dài 6,27m; Phía Tây giáp đất ông Khôi (Nguyên), dài 8,22m; Phía Đông giáp ngõ đi, dài 7,49m. Trên đất có các tài sản: 01 nhà 03 tầng khép kín được xây dựng năm 2012.

5. Cụ Tạ Đức L có quyền sử dụng thửa đất có diện tích 118,6m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Khôi (Nguyên) dài 11,72m và giáp thửa đất bà Tạ Thị Th được chia dài 6,37 m; Phía Nam giáp đất ông Tạ Quang L, dài 18,25m; Phía Đông giáp ngõ đi, dài 6,08m; Phía Tây giáp đất ông Mịch, dài 7,07m.

Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà vệ sinh, sân gạch, mái tôn, cổng ngõ, tường bao.

(Có phụ lục kèm theo và là một bộ phận không tách rời khỏi bản án).

Cụ Tạ Đức L, bà Tạ Thị Th có quyền đề nghị và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Cụ Tạ Đức L có nghĩa vụ giao nộp cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 54, tờ bản đồ số 78, diện tích 169,6m^2 tại xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 002813 ngày 29/01/2015 cho hộ cụ Tạ Đức L, cụ Nguyễn Thị

Cánh; để các đương sự là cụ L, bà Th tiến hành các thủ tục để điều chỉnh hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả của bản án.

6. Cụ Tạ Đức L có nghĩa vụ trích trả kỷ phần thừa kế cho các ông Tạ Quang L, ông Tạ Đức Tuấn, ông Tạ Đức T, ông Tạ Quang L, mỗi người với số tiền 92.220.000 đồng (Chín mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các đương sự phải chịu tiền án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022 Ông L, ông Tuấn, ông Tập và Ông L kháng cáo vì không đồng ý chia cho bà Th 1/8 kỷ phần vì có công chăm sóc nuôi dưỡng mẹ lúc còn sống. Ngày 03/11/2022 cụ L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hợp tình hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và những người liên quan kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của cụ Tạ Đức L, ông Tạ Quang L, Tạ Quang T, Tạ Đức T và Tạ Quang L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Cụ Tạ Đức L và *c*ụ Nguyễn Thị C sinh được 06 người con gồm: Ông Tạ Quang L, bà Tạ Thị Th, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức T, ông Tạ Đức L, ông Tạ Quang L. Hai cụ không có con nuôi, con riêng, không làm con nuôi nhà ai khác. Cụ C chết ngày 28/5/2017 không để lại di chúc. Hộ gia đình cụ L được UBND huyện Tiên Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 04, diện tích 265m^2 tại xóm Tự, thôn Dương Sơn, xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn (nay là xóm Tự, khu phố Dương Sơn, thành phố Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất do các cụ để lại cho cụ L. Các con của cụ L không có công sức đóng góp gì vào việc

tân tạo hoặc làm tăng giá trị của quyền sử dụng thửa đất. Thửa đất không bị tranh chấp với ai. Năm 2010, gia đình đã làm thủ tục tách thửa cho ông Tạ Quang L sử dụng diện tích 95m^2. Ông L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc chính quy là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 78, diện tích 98,5m^2. Phần diện tích còn lại là 169,6m^2 thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 54 được UBND thị xã (nay là thành phố Từ Sơn) cấp Giấy chứng nhận cho hộ cụ Tạ Đức L và cụ Nguyễn Thị Cngày 29/01/2015. Năm 2012, cụ L và cụ C (khi đó còn sống) và anh em trong gia đình đã đồng ý cho bà Th làm nhà trên một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận. Bà Th đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất theo gia đình đo đạc là 50m^2. Việc xây dựng hoàn toàn công khai, không ai có ý kiến phản đối gì. Các em của bà Th còn bỏ ngày công giúp chị xây dựng nhà ở.

Ngày 22/6/2013, cụ L lập văn bản có tiêu đề "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất". Văn bản này có nội dung: Cụ L là chủ sử dụng diện tích đất 265m^2. Cụ L tặng cho Ông L 95m^2. Còn lại diện tích 170m^2, tiếp tục cho bà Th 50m^2. Văn bản này có chữ ký của cụ L, không có chữ ký hoặc điểm chỉ của cụ C nhưng có chữ ký của tất cả các con trai của cụ L gồm: Ông L, ông Tuấn, ông Tập, ông Luyện và Ông L. Xét đây là một văn bản thỏa thuận trong gia đình về việc định đoạt quyền sử dụng đất cho bà Th, nhưng chưa đầy đủ thành phần tham gia (thiếu chữ ký hoặc điểm chỉ của cụ C) và cũng chưa tuân thủ điều kiện về hình thức của văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực của Cơ quan có thẩm quyền. Nên chưa thể coi là việc cụ C, cụ L đã thể hiện sự định đoạt về việc tặng cho bà Th quyền sử dụng diện tích đất mà bà Th đã làm nhà.

Do vậy, cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 169,6m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ L và cụ C. Xác định di sản thừa kế của cụ C là ½ diện tích đất: 169,6m^2 : 2 = 84,8m^2 và diện tích 84,8m^2 quyền sử dụng đất là tài sản của cụ L. Cụ C chết không để lại di chúc, nên việc phân chia di sản thừa kế của cụ C được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm chồng và các con đẻ là phù hợp với pháp luật.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, cụ Tạ Đức L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hợp tình hợp lý, cụ đồng ý chia cho bà Th 50m^2 phần diện tích đất còn lại cụ để làm nơi thờ cúng không đồng ý trích trả tiền cho các con. Xét kháng cáo của cụ thì thấy: Cụ C mất không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ C theo pháp luật là đúng quy định pháp luật.

Các Ông L, Tuấn, Tập và Linh kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm chia cho bà Th thêm một phần vì bà đã có công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ C. Vì các ông bà cũng có công sức chăm sóc nuôi dưỡng cụ C lúc còn sống như nhau. Trên thực tế bà Th không có chồng và là người trực tiếp sinh sống cùng hai cụ L và cụ C ở trên thửa đất này từ nhỏ nên bà Th còn có công giữ gìn duy trì bảo vệ khối di sản này, bản thân bà Th cũng đã xây dựng nhà 3 tầng kiên cố để các cụ cùng ở. Do vậy việc chia cho bà Th thêm 1 phần di sản của cụ C cũng phù hợp với pháp luật.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ L, Ông L, ông Tuấn, ông Tập và Ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên, ông Tuấn, ông Tập và Ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ L và Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của cụ Tạ Đức L, ông Tạ Quang L, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức T và ông Tạ Quang L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 227, Điều 229; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điểm a khoản 1 Điều 651; Khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 33; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 188 Luật Đất đai 2013; Điểm a khoản 1 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ – UBND ngày 26/8/2021 (có hiệu lực ngày 10/9/2021) Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Th;
- Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L, ông Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc: Cụ L, ông Luyện nhường kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Nguyễn Thị Ccho bà Tạ Thị Th được sử dụng;
- Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc cụ L tặng cho bà Th diện tích đất 8,6m^2 (cho bà Th đủ diện tích mà bà Th đã xây nhà ở ổn định từ năm 2012).

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị C gồm: Cụ Tạ Đức L, ông Tạ Quang L, bà Tạ Thị Th, ông Tạ Quang T, ông Tạ Đức L, ông Tạ Đức T và ông Tạ Quang L.

2. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Tạ Đức L và cụ Nguyễn Thị Clà quyền sử dụng đất của thửa đất số 54, tờ bản đồ số 78, diện tích 169,6m^2 tại xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 002813 ngày 29/01/2015 cho hộ cụ Tạ Đức L, cụ Nguyễn Thị Cánh.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Clà quyền sử dụng đất có diện tích 84,8m^2, có giá trị là 737.760.000đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận của cụ Tạ Đức L và bà Tạ Thị Th về việc cụ L tặng cho bà Th diện tích 8,6m^2.

4. Chia cho bà Tạ Thị Th được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 51m^2; Có tứ cận: Phía Bắc giáp ngõ đi, dài 6,67m; Phía Nam giáp phần đất của hộ cụ Tạ Đức Lệ, dài 6,27m; Phía Tây giáp đất ông Khôi (Nguyên), dài 8,22m; Phía

Đông giáp ngõ đi, dài 7,49m. Trên đất có các tài sản: 01 nhà 03 tầng khép kín được xây dựng năm 2012.

5. Cụ Tạ Đức L có quyền sử dụng thửa đất có diện tích 118,6m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Khôi (Nguyên) dài 11,72m và giáp thửa đất bà Tạ Thị Th được chia dài 6,37 m; Phía Nam giáp đất ông Tạ Quang L, dài 18,25m; Phía Đông giáp ngõ đi, dài 6,08m; Phía Tây giáp đất ông Mịch, dài 7,07m. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà vệ sinh, sân gạch, mái tôn, cổng ngõ, tường bao.

(Có phụ lục kèm theo và là một bộ phận không tách rời khỏi bản án).

Cụ Tạ Đức L, bà Tạ Thị Th có quyền đề nghị và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Cụ Tạ Đức L có nghĩa vụ giao nộp cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 54, tờ bản đồ số 78, diện tích 169,6m^2; Tại xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 002813 ngày 29/01/2015 cho hộ cụ Tạ Đức L, cụ Nguyễn Thị Cánh; để các đương sự là cụ L, bà Th tiến hành các thủ tục để điều chỉnh hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả của bản án.

6. Cụ Tạ Đức L có nghĩa vụ trích trả kỷ phần thừa kế cho các ông Tạ Quang L, ông Tạ Đức Tuấn, ông Tạ Đức T, ông Tạ Quang L, mỗi người với số tiền 92.220.000đ (Chín mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

7. Án phí: Bà Tạ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 10.874.000đ (Mười triệu tám trăm bảy mươi tư ngàn đồng); Xác nhận bà Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003645 Ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bà Th tiếp tục nộp đủ số tiền còn thiếu.

Các ông Tạ Quang L, Tạ Đức Tuấn, Tạ Đức T và Tạ Quang L, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.611.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười một ngàn đồng). Các ông Tạ Đức Tuấn, Tạ Đức T và Tạ Quang L, mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Tuấn, ông Tập và Ông L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003802; AA/2021/0003801; AA/2021/0003800 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Cụ Tạ Đức L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Từ Sơn;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS TP Từ Sơn
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 01/QĐ-SCBSBA	*Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 42/2023/DS - PT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về "Tranh chấp thừa kế tài sản", giữa:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1962

Bị đơn: Cụ Tạ Đức L, sinh năm 1932

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Ông Tạ Đức L, sinh năm 1969

2.Ông Tạ Đức T, sinh năm 1972

3. Ông Tạ Quang T, sinh năm 1965

4. Ông Tạ Quang L, sinh năm 1978

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1983

Các đương sự cùng địa chỉ: Xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

6. Ông Tạ Quang L, sinh năm 1957

Địa chỉ: 4/5/50 đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Quang L và ông Tạ Đức T: ông Tạ Quang T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm Tự, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 42/2023/DS - PT ngày 03 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh như sau:

Tại dòng thứ 8 đến dòng số 13 từ dưới lên, trang 6 của bản án đã ghi:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi

hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam